

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXIV

Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 6

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ chín? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, đầu tiên phát khởi năm việc đều được thành tựu. Những gì là năm? Một là tín, hai là trực tâm, ba là giới, bốn là thân cận bạn lành, năm là học rộng. Sao gọi là tín? Đại Bồ-tát tin vào sự bố thí Tam bảo có quả báo, tin vào con đường Nhất thừa Nhị đế, lại không đường khác, nhưng vì muốn cho chúng sinh mau được giải thoát nên chư Phật, Bồ-tát phân biệt làm ba, tin đệ nhất nghĩa đế, tin phương tiện thiện. Đó gọi là tín. Người tin như vậy thì hoặc các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên ma, Phạm thiên, tất cả chúng sinh chẳng thể phá hoại họ. Nhân đức tin này nên được tánh của Thánh nhân, tu hành bố thí hoặc nhiều hay ít đều được gần với Đại Bát Niết Bàn, chẳng rơi vào sinh tử. Giới cấm, đa văn, trí tuệ cũng như vậy. Đó gọi là tín. Tuy có tín này mà cũng chẳng chấp thì đó gọi là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu việc đầu tiên.

Sao gọi là trực tâm? Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh khởi tâm chất trực. Tất cả chúng sinh nếu gặp nhân duyên thì sinh ra nịnh hót quanh co còn Bồ-tát chẳng vậy. Vì sao? Vì khéo hiểu các pháp đều do nhân duyên. Đại Bồ-tát tuy thấy những tội lỗi ác của chúng sinh nhưng nhất định chẳng nói ra. Vì sao? Vì sợ họ sinh ra phiền não, mà nếu sinh phiền não thì rơi vào đường ác. Như vậy Bồ-tát nếu thấy chúng sinh có ít việc thiện thì khen ngợi họ. Sao gọi là

thiện? Đó gọi là Phật tánh, do khen ngợi Phật tánh nên khiến cho các chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, Bồ-tát khen ngợi Phật tánh khiến cho vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì nghĩa này chẳng phải vậy. Vì sao? Vì Như Lai ban đầu khai kinh Đại Niết-bàn, nói có ba hạng. Một là, nếu có người bệnh mà được lương y, thuốc hay và người chăm sóc thì bệnh dễ khỏi. Như người bệnh ấy chẳng được như vậy thì chẳng thể lành bệnh. Hai là, nếu được hay chẳng được đều chẳng thể khỏi bệnh. Ba là, nếu được hay chẳng được đều có thể khỏi bệnh. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, nếu gặp bạn lành, các Đức Phật, Bồ-tát nghe nói diệu pháp thì có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như những chúng sinh chẳng gặp thì chẳng thể phát tâm như là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi. Hai là, tuy họ gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, nghe nói diệu pháp cũng chẳng thể phát tâm, hoặc họ chẳng gặp nên cũng chẳng thể phát tâm như là Bọn Nhất-xiển-đề. Ba là, hoặc gặp hay chẳng gặp, tất cả đều có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như là Bồ-tát. Nếu nói, gặp cùng chẳng gặp đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Đức Như Lai hôm nay làm sao nói, nhân khen Phật tánh khiến cho các chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Thưa Thế Tôn! Nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, nghe nói diệu pháp và cả chẳng gặp đều chẳng thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải biết nghĩa này cũng lại chẳng phải. Vì sao? Vì người như vậy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bọn Nhất-xiển-đề do có Phật tánh nên hoặc nghe hay chẳng nghe đều cũng sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói: “Thế nào gọi là Nhất-xiển-đề? Đó là kẻ đoạn dứt thiện căn”, thì nghĩa như vậy cũng lại chẳng đúng. Vì sao? Vì chẳng đoạn dứt Phật tánh. Như vậy là Phật tánh, lý chẳng thể đoạn thì sao Phật nói đoạn các thiện căn? Như Phật thuở trước nói trong Mười hai bộ loại kinh điển, thiện có hai thứ: một là thường, hai

là vô thường. Thường là chẳng đoạn, vô thường là đoạn, vô thường có thể đoạn nên đọa vào địa ngục. Thường chẳng thể đoạn thì vì sao chẳng ngăn chặn? Phật tánh chẳng đoạn thì chẳng phải Nhất-xiển-đề mà vì sao Đức Như Lai nói như vậy là Nhất-xiển-đề? Bạch Thế Tôn! Nếu nhân Phật tánh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì vì sao Đức Như Lai rộng vì chúng sinh nói Mười hai bộ loại kinh điển? Thưa Thế Tôn! Ví như bốn dòng sông, xuất phát từ ao A-nậu-đạt. Nếu có hàng trời, người, chư Phật Thế Tôn nói những dòng sông này chẳng chảy vào biển cả mà sẽ trở lại nguồn cũ thì không có điều này. Tâm Bồ-đề cũng như vậy, nếu người có Phật tánh thì hoặc nghe hay chẳng nghe, hoặc giới hay chẳng phải giới, hoặc thí hay chẳng phải thí, hoặc tu hay chẳng phải tu, hoặc trí hay chẳng phải trí đều nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thế Tôn! Như mặt trời từ trong núi Ưu-đà-diên mọc lên, đi đến hướng chánh Nam. Nếu mặt trời nghĩ rằng, ta chẳng đến phương Tây mà trở lại phương Đông thì không có điều này. Phật tánh cũng vậy, nếu chẳng nghe, chẳng trì giới, chẳng bố thí, chẳng tu, chẳng trí tuệ, chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không có điều này. Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai nói, tánh của nhân quả chẳng phải có, chẳng phải không, nghĩa như vậy cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì như trong sữa ấy không có tánh váng sữa thì không có váng sữa, hạt Ni-câu-đà không tánh năm trượng thì chẳng thể sinh cây năm trượng. Nếu trong Phật tánh không cây Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì làm sao sinh ra cây Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Do nghĩa này nên nói, nhân quả chẳng phải có, chẳng phải không thì nghĩa này như vậy làm sao tương ứng?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen:

–Hay thay! Hay thay! Đây thiện nam! Đời có hai hạng người rất là hiếm có như hoa Ưu-đàm. Một là người chẳng làm điều ác, hai là người có tội mà biết sám hối. Người như vậy rất là hiếm có. Lại có hai hạng người, một là làm ơn, hai là nhớ ơn. Lại có hai hạng người, một là người học hỏi thọ nhận pháp mới, hai là người ôn cũ chẳng quên. Lại có hai hạng người, một là người tạo ra cái mới, hai là người ôn sửa cái cũ. Lại có hai hạng người, một là người ưa nghe

pháp, hai là người ưa nói pháp. Lại có hai hạng người, một là người giỏi vấn nạn, hai là người giỏi giải đáp. Người giỏi vấn nạn là thân ông đó. Người giỏi giải đáp là Như Lai. Nay thiện nam! Nhân sự khéo hỏi này, Ta liền được chuyển bánh xe pháp vô thượng, có thể làm khô cây đại thọ mười hai nhân duyên, có thể qua khỏi vô biên dòng sông lớn sinh tử, có thể cùng Ma vương Ba-tuần chiến đấu, có thể xô ngã sự kiến lập cờ thắng của ma Ba-tuần. Nay thiện nam! Như trước Ta đã nói, ba thứ mà người bệnh gặp là lương y, người chăm sóc, thuốc tốt và cả việc chẳng gặp được thì bệnh đều được khỏi. Nghĩa này thế nào? Nghĩa này là, nếu gặp được hay chẳng gặp được gọi là thọ mạng nhất định. Vì sao? Vì người này đã ở trong vô lượng đời, tu ba thứ thiện là thượng, trung, hạ. Do tu ba thứ thiện như vậy nên được thọ mạng nhất định, như người nơi cõi Uất-đan-việt thọ mạng một ngàn năm. Có người bị bệnh, nếu gặp được lương y, thuốc tốt, người chăm sóc và cả việc chẳng được đều khỏi bệnh. Vì sao? Vì đã có thọ mạng nhất định. Nay thiện nam! Như lời Ta nói, nếu có người bệnh được gặp lương y, thuốc tốt, người chăm sóc thì bệnh được trừ khỏi, nếu chẳng gặp thì chẳng được khỏi. Nghĩa này ra sao? Nay thiện nam! Người như vậy thọ mạng chẳng nhất định, mạng tuy chưa hết nhưng có chín nhân duyên có thể làm chết yếu. Những gì là chín? Một là biết ăn chẳng an ổn mà cứ ăn. Hai là ăn nhiều. Ba là thức ăn trước chưa tiêu mà lại ăn nữa. Bốn là đi đại tiểu tiện chẳng đúng lúc. Năm là khi bệnh chẳng theo lời dạy của thầy thuốc. Sáu là chẳng theo lời dạy bảo của người chăm sóc. Bảy là cố cưỡng lại chẳng mưa ra. Tám là đi đêm, do đi đêm nên bị quỷ ác đánh. Chín là việc phòng the quá độ. Do những nhân duyên này nên Ta nói người bệnh nếu gặp lương y, thuốc tốt, người chăm sóc thì bệnh có thể khỏi, còn nếu chẳng gặp thì chẳng thể bớt. Nay thiện nam! Như trước Ta đã nói, nếu gặp hay chẳng gặp đều chẳng thể khỏi. Nghĩa này thế nào? Có người mạng hết, nếu gặp hay chẳng gặp đều chẳng thể khỏi. Vì sao? Vì mạng đã hết. Do nghĩa này nên Ta nói người bệnh, nếu gặp lương y, thuốc tốt, người chăm sóc và cả chẳng gặp đều chẳng thể khỏi được. Chúng sinh cũng vậy, người phát tâm Bồ-đề nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát thừa hỏi nghe thọ

pháp sâu xa hay chẳng gặp được thì đều thành tựu. Vì sao? Vì người ấy có thể phát tâm Bồ-đề như người ở cõi Uất-đan-việt được thọ mạng nhất định. Như lời Ta nói, từ Tu-đà-hoàn đến Phật-bích-chi nếu nghe pháp sâu xa mà chư Phật, Bồ-tát và bạn lành đã nói thì phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn nếu chẳng gặp chư Phật, Bồ-tát nghe nói pháp sâu xa thì chẳng thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như người mạng bất định vì chín nhân duyên nên chết yếu. Như người bệnh đó gặp lương y, thuốc tốt thì bệnh sẽ khỏi, còn nếu chẳng gặp thì bệnh chẳng khỏi. Vậy nên Ta nói gặp Phật, Bồ-tát, nghe nói pháp sâu xa thì có thể phát tâm, còn nếu chẳng gặp thì chẳng thể phát tâm. Như trước Ta đã nói, nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, nghe nói pháp sâu xa và nếu chẳng gặp cũng đều chẳng thể phát tâm nghĩa này thế nào? Đây thiện nam! Hạng Nhất-xiển-đề nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát nghe nói pháp sâu xa và cả chẳng gặp đều chẳng được lìa khỏi tâm Nhất-xiển-đề. Vì sao? Vì đoạn pháp thiện. Còn vì sao bọn Nhất-xiển-đề cũng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Nếu chúng có thể phát tâm Bồ-đề thì chẳng gọi là Nhất-xiển-đề. Đây thiện nam! Do nhân duyên gì nói, Nhất-xiển-đề được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bọn Nhất-xiển-đề thật chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như người mạng hết tuy gặp lương y, thuốc tốt, có người chăm sóc nhưng chẳng thể khỏi được. Vì sao? Vì mạng hết. Đây thiện nam! Nhất-xiển gọi là tin, đề gọi là chẳng đủ. Tin chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải tin, chúng sinh chẳng phải đủ. Vì chẳng đủ nên làm sao có thể đoạn? Nhất-xiển gọi là phương tiện thiện, đề gọi là chẳng đủ. Tu phương tiện thiện chẳng đầy đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải là tu phương tiện thiện, chúng sinh chẳng phải đủ. Vì chẳng đủ nên làm sao có thể đoạn? Nhất-xiển gọi là tấn, đề gọi là chẳng đủ. Tấn chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải tấn, chúng sinh chẳng phải đủ. Vì chẳng đủ nên làm sao có thể đoạn? Nhất-xiển gọi là niệm, đề gọi là chẳng đủ. Niệm chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải niệm, chúng sinh chẳng đủ. Vì chẳng đủ nên làm sao có thể đoạn? Nhất-xiển gọi là định, đề gọi là chẳng đủ. Định

chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải định, chúng sinh chẳng phải đủ. Vì chẳng đủ nên làm sao có thể đoạn? Nhất-xiển gọi là tuệ, đề gọi là chẳng đủ. Tuệ chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải tuệ, chúng sinh chẳng phải đủ. Vì chẳng đủ nên làm sao có thể đoạn? Nhất-xiển gọi là thiện vô thường, đề gọi là chẳng đủ. Vì thiện vô thường chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải vô thường, chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện. Vì sao? Vì pháp thiện cần phải từ phương tiện mà được, mà Phật tánh này chẳng phải phương tiện được. Vậy nên chẳng phải thiện. Vì sao lại gọi là chẳng phải bất thiện? Vì có thể được quả thiện. Quả thiện tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại, pháp thiện thì sinh rồi được mà Phật tánh này chẳng phải sinh rồi được. Vậy nên chẳng phải thiện. Do đoạn trừ sinh mà được các pháp thiện nên gọi là Nhất-xiển-đề. Đây thiện nam! Như lời ông nói, nếu Nhất-xiển-đề có Phật tánh thì sao chẳng ngăn chặn tội địa ngục? Đây thiện nam! Trong Nhất-xiển-đề không có Phật tánh. Đây thiện nam! Ví như có vị vua nghe tiếng đàn không hầu. Âm thanh đàn ấy trong treo vi diệu, lòng liền tham đắm, thích thú đam mê, ý không rời bỏ, liền bảo vị đại thần: “Âm thanh vi diệu như vậy từ đâu phát ra?”. Vị đại thần đáp: “Âm thanh vi diệu như vậy từ cây đàn không hầu phát ra”. Nhà vua lại nói: “Hãy đem âm thanh đó lại đây”. Bấy giờ vị đại thần liền mang cây đàn không hầu đặt ở trước đức vua mà nói: “Tâu đại vương! Đại vương nên biết, đây tức là âm thanh”. Nhà vua nói: “Đây không hầu! Hãy phát ra tiếng! Hãy phát ra tiếng!”. Nhưng tiếng đàn không hầu cũng chẳng phát ra. Lúc này, vị đại vương liền cắt đứt dây của đàn ấy mà tiếng cũng chẳng phát ra. Ông đem da, gỗ của đàn ấy chẻ, xé ra hết để tìm kiếm tiếng đàn ấy mà cuối cùng chẳng thể được. Bấy giờ, vị đại vương liền giận trách vị đại thần: “Sao mà nói dối như vậy?”. Vị đại thần tâu: “Nói về cách lấy âm thanh thì phương pháp chẳng như vậy mà nên dùng mọi duyên và phương tiện khéo léo thì âm thanh mới phát ra”. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, không có trụ xứ, do phương tiện khéo léo nên có thể thấy được. Do có thể thấy nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bọn Nhất-xiển-đề chẳng thấy Phật tánh thì làm sao có

thể ngăn chặn tội của ba đường ác? Đây thiện nam! Nếu Nhất-xiển-đề tin có Phật tánh thì phải biết người này chẳng đến ba đường, người này cũng chẳng gọi là Nhất-xiển-đề. Do chẳng tự tin có Phật tánh nên liền rơi vào ba đường ác mà rơi vào ba đường ác nên gọi là Nhất-xiển-đề.

Này thiện nam! Như lời ông nói, nếu sữa không có tánh của váng sữa thì đáng lẽ chẳng sinh váng sữa, hạt cây ni-câu-đà không có tánh năm trượng thì đáng lẽ chẳng có cây năm trượng? Người ngu si nói lời như vậy, còn kẻ trí thì nhất định chẳng phát ngôn như vậy. Vì sao? Vì do vô tánh. Đây thiện nam! Như trong sữa có tánh váng sữa thì chẳng cần lại nhờ sức mọi duyên. Đây thiện nam! Như sữa và nước đá nằm xen nhau đến cả tháng cũng nhất định chẳng thành váng sữa. Dùng một giọt nước nhựa cây pha cầu cho vào trong sữa liền trở thành váng sữa. Nếu sữa vốn có váng sữa thì vì sao phải đợi duyên. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, nhờ mọi duyên nên liền có thể thấy, nhờ mọi duyên nên được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu đợi mọi duyên, rồi sau đó mới thành tức là vô tánh. Do vô tánh nên có thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát thường khen cái thiện của con người và chẳng trách cái khiếm khuyết của họ. Đó gọi là tâm chất trực.

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là tâm chất trực của Bồ-tát? Đại Bồ-tát thường chẳng phạm việc ác. Giả sử có lỗi lầm thì tức thời sám hối, đối với thầy, bạn đồng học chẳng bao giờ che giấu, hổ thẹn tự trách, chẳng dám làm nữa, đối với tội nhẹ sinh tư tưởng tội rất nặng, nếu có người cật vấn thì đáp, thật sự phạm tội. Người lại hỏi: “Tội này là tốt hay chẳng tốt?”. Đáp: “Chẳng tốt!”. Người lại hỏi: “Tội này là thiện hay bất thiện?”. Đáp: “Bất thiện”. Người lại hỏi: “Tội này là quả thiện hay quả bất thiện?”. Đáp: “Tội ấy thật chẳng phải là quả thiện!”. Lại hỏi: “Ai đã tạo ra tội này? Chắc chẳng phải là việc làm của Phật, Pháp, Tăng?”. Đáp: “Chẳng phải việc làm của Phật, Pháp, Tăng, mà là việc làm của tôi. Đó là sự tập hợp của phiền não”. Do tâm chất trực nên tin có Phật tánh, mà tin Phật tánh thì chẳng gọi là Nhất-xiển-đề. Do trực tâm nên gọi là đệ tử của

Phật. Nếu thọ y phục, thực phẩm, đồ nằm, thuốc thang của chúng sinh, mỗi thứ ngàn vạn chẳng đủ cho là nhiều, thì đó là tâm chất trực của Bồ-tát.

Sao gọi là Bồ-tát tu trì giới? Đại Bồ-tát thọ trì giới cấm chẳng vì để sinh lên trời, chẳng vì sợ hãi... cho đến chẳng thọ giới chó, giới gà, giới bò, giới trĩ, chẳng tạo tác sự phá giới, chẳng làm khuyết giới, chẳng làm giới có tỳ vết, chẳng làm giới tạp, chẳng hành giới Thanh văn, mà thọ trì giới Đại Bồ-tát, Giới Ba-la-mật, giới Cụ túc, chẳng sinh kiêu mạn, đó gọi là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn đủ giới thứ ba.

Sao gọi là Bồ-tát thân cận bạn lành? Đại Bồ-tát thường vì chúng sinh nói về đạo thiện, chẳng nói đạo ác, nói đạo ác chẳng phải là quả báo thiện. Nay thiện nam! Thân Ta tức là chân thiện tri thức của tất cả chúng sinh. Vậy nên Ta có thể đoạn trừ tà kiến của Bà-la-môn Phú đà la. Nay thiện nam! Nếu có chúng sinh thân cận Ta thì tuy có nhân duyên đáng lẽ sinh vào địa ngục, nhưng liền được sinh lên trời. Như Tu-na-sát-đa v.v... đáng lẽ đọa vào địa ngục, do thấy Ta nên liền được đoạn trừ nhân duyên địa ngục, sinh lên cõi trời Sắc. Tuy có Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... nhưng chẳng gọi là thiện tri thức chân thật của chúng sinh. Vì sao? Vì họ là nhân duyên sinh tâm Nhất-xiển-đề. Nay thiện nam! Thuở trước, Ta trụ ở nước Ba-la-nại, Xá-lợi-phất dạy hai người đệ tử, một người quán tưởng xương trắng, một người dạy cho quán số tức. Trải qua nhiều năm cả hai đều chẳng được định. Do nhân duyên này liền sinh ra tà kiến nên họ nói: “Không có pháp Niết-bàn vô lậu. Nếu pháp ấy có thì lẽ ra chúng tôi đã chứng đắc. Vì sao? Vì chúng tôi có thể khéo trì giới đã thọ”. Lúc ấy, Ta thấy những Tỳ-kheo đó sinh ra tà tâm này nên gọi Xá-lợi-phất mà quở trách: “Ông chẳng khéo dạy! Vì sao nói pháp đảo ngược cho hai đệ tử này? Hai người đệ tử của ông tánh của họ đều khác. Một người là chuyên giặt quần áo, một người là thợ vàng. Người thợ vàng nên dạy họ số tức, người giặt quần áo nên dạy họ quán tưởng bạch cốt. Do ông dạy nhầm nên khiến cho hai người này sinh ra tà kiến ác”. Bấy giờ, Ta vì hai người này, đúng như căn cơ của họ mà nói pháp. Hai người nghe rồi, được quả A-la-hán. Vậy

nên ta là chân thiện tri thức của tất cả chúng sinh, chứ chẳng phải Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... Giả sử chúng sinh có kết rất nặng mà được gặp Ta thì Ta dùng phương tiện liền vì họ đoạn trừ. Như Nan-đà em Ta có ái dục rất nặng, Ta dùng đủ thứ phương tiện khéo léo để đoạn trừ. Ương-quật-ma-la có sân hận nặng nhờ thấy Ta nên sân hận liền đoạn trừ. Vua A-xà-thế có ngu si nặng, nhờ thấy Ta nên lòng ngu si liền diệt. Như trưởng giả Bà-hy-già, từ trong vô lượng kiếp, tích tập, thành tựu phiền não rất nặng, nhờ thấy Ta nên liền đoạn diệt. Giả sử có người hạ tiện tệ ác mà gần gũi và làm đệ tử Ta thì do nhân duyên này nên được tất cả hàng trời, người cung kính, thương tưởng. Tà kiến của Thi-lợi-cúc-đa rất nặng, nhân thấy Ta nên tà kiến liền diệt, nhân thấy Ta nên đoạn trừ nhân của địa ngục, tạo duyên sinh lên trời. Như người Chiên-đà-la Khí hư, khi mạng sắp hết, nhân thấy Ta nên lại được sống lâu. Như Kiều-thi-ca, cuồng tâm thác loạn, nhân thấy Ta nên tâm tánh tỉnh lại. Như Cù-đàm-di gây ốms, con của nhà đồ tể, thường làm nghiệp ác, nhờ thấy Ta nên liền lìa bỏ. Như Tỳ-kheo Xiển đề nhân thấy Ta nên thà bỏ thân mạng, chẳng hủy phạm giới cấm. Như Tỳ-kheo nghiêm trì giới cấm, như Tỳ-kheo cột cỏ. Do nghĩa này nên Tỳ-kheo A-nan nói là bán phạm hạnh, gọi là thiện tri thức. Ta nói, chẳng vậy. Phải đầy đủ phạm hạnh mới gọi là thiện tri thức. Đó là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu việc thứ tư là gần gũi thiện tri thức.

Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn? Đại Bồ-tát vì kinh Đại Niết-bàn, Mười hai bộ loại kinh điển mà sao chép, đọc tụng, phân biệt, giảng nói thì đó gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Trừ Mười một bộ loại kinh điển, chỉ thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói kinh Tỳ-phật-lược thì cũng gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Trừ Mười hai bộ loại kinh điển, nếu Bồ-tát có thể thọ trì kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, ghi chép, đọc tụng, phân biệt, giảng nói thì đó cũng gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Trừ hết toàn thể kinh điển này, nếu Bồ-tát có thể thọ trì một bài kệ bốn câu, lại trừ luôn bài kệ này, nếu Bồ-tát có thể thọ trì câu: “Như Lai thường trụ, tánh không biến dịch”, thì đó cũng gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Lại trừ luôn việc này mà nếu hành giả biết là: Như Lai thường chẳng nói pháp, thì cũng gọi là Bồ-tát đầy đủ đa

vấn. Vì sao? Vì pháp vô tánh. Như Lai tuy nói tất cả các pháp nhưng thường không có điều gì để nói. Đó gọi là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu việc thứ năm là đầy đủ đa văn.

Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào vì Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ năm việc như vậy thì việc khó làm có thể làm, điều khó nhẫn có thể nhẫn, của khó thí có thể thí. Sao gọi là việc khó làm Bồ-tát có thể làm? Như nghe có người ăn một hạt mè mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tin lời nói này nên cho đến vô lượng vô số kiếp, thường ăn một hạt mè. Hoặc nghe nói, vào lửa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì trong vô lượng kiếp, ở tại địa ngục A-tỳ, vào đám lửa đỏ rực. Đó gọi là việc khó làm Bồ-tát có thể làm. Sao gọi là điều khó nhẫn Bồ-tát có thể nhẫn? Nếu nghe nói chịu đựng nhân duyên gây khổ như do tay, gậy, dao, đá, chặt, đánh mà đắc Đại Niết-bàn thì liền ở vô lượng vô số kiếp, thân chịu đủ những thứ đó mà chẳng lấy làm khổ sở, đó gọi là việc khó nhẫn Bồ-tát có thể nhẫn. Sao gọi là của khó thí Bồ-tát có thể thí? Như nghe nói, có thể dùng đất nước, thành quách, vợ con, đầu mắt, não tủy ban cho người thì sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền ở vô lượng vô số kiếp, dùng đất nước, thành quách, vợ con, đầu mắt, não tủy của mình mà ban cho người, đó gọi là của khó thí Bồ-tát có thể thí. Bồ-tát tuy lại có thể làm việc khó làm nhưng chẳng bao giờ nghĩ rằng chính là việc làm của ta cho đến của khó cho có thể cho cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con yêu thương rất nặng tình, dùng quần áo đẹp, thức ăn ngon thương diệu, tùy thời nuôi dưỡng, không gì thiếu thốn. Giả sử đứa con ấy đối với cha mẹ đã dấy khởi lòng khinh mạn, ác khẩu mạ nhục, nhưng cha mẹ vì yêu thương nên chẳng sinh ra sân hận, cũng chẳng nghĩ rằng: Ta cho đứa trẻ này quần áo, thức ăn, thức uống. Đại Bồ-tát cũng như vậy, nhìn các chúng sinh giống như con một. Nếu đứa con gặp bệnh thì cha mẹ cũng bệnh theo. Vì con mà cầu thầy thuốc, siêng năng gia công trị liệu, cứu chữa. Khi bệnh đã khỏi rồi, cha mẹ chẳng bao giờ sinh ý niệm là ta vì đứa trẻ này trị liệu bệnh khổ. Bồ-tát cũng vậy, thấy các chúng sinh gặp bệnh phiền não sinh lòng thương yêu mà vì họ nói pháp. Chúng sinh nhờ nghe pháp

nên các phiền não được đoạn trừ. Phiền não đoạn rồi, Bồ-tát nhất định chẳng nghĩ rằng ta vì chúng sinh đoạn trừ phiền não. Nếu Bồ-tát phát sinh ý niệm này thì nhất định chẳng được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát khởi ý niệm này: “Không một chúng sinh nào được ta nói pháp khiến cho họ được đoạn trừ phiền não”. Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh chẳng giận, chẳng mừng. Vì sao? Vì có khả năng khéo tu tập Tam-muội Không. Bồ-tát nếu tu Tam-muội Không thì sẽ sinh giận, sinh mừng với ai đây? Đây thiện nam! Ví như rừng núi bị lửa dữ đốt cháy, hoặc con người đốn chặt, hay bị nước cuốn trôi thì rừng cây này sẽ sinh ra giận, sinh ra mừng với ai đây? Đại Bồ-tát cũng như vậy, đối với các chúng sinh không giận, không mừng. Vì sao? Vì tu Tam-muội Không.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tánh của tất cả các pháp tự nó là không chẳng? Vì không không cho nên không chẳng? Nếu tánh tự không thì chẳng cần tu không, rồi sau đó thấy không. Sao Như Lai nói rằng, do tu không mà thấy không? Nếu tánh tự chẳng không thì tuy tu Không nhưng chẳng thể khiến cho nó không.

Này thiện nam! Tánh của tất cả các pháp vốn tự không. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Đây thiện nam! Tánh của sắc cũng chẳng thể nắm bắt được. Sao gọi là tánh của sắc? Tánh của sắc chẳng phải là đất, nước, gió, lửa; chẳng phải là đất, nước, gió, lửa; chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng; chẳng phải là xanh, vàng, đỏ, trắng; chẳng phải có, chẳng phải không thì sao sẽ nói là sắc có tự tánh? Do tánh chẳng thể nắm bắt được nên nói là không. Tất cả các pháp cũng như vậy. Do sự giống nhau, tiếp nối nhau nên các phàm phu thấy rồi nói là, tánh của các pháp chẳng rõ ràng. Đại Bồ-tát đầy đủ năm việc nên thấy tánh của pháp vốn rõ ràng. Đây thiện nam! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn thấy tánh của tất cả pháp chẳng không thì phải biết người đó chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn, chẳng được tu tập Bát nhã Ba-la-mật, chẳng được vào Đại Bát Niết Bàn, chẳng được hiện thấy chư Phật, Bồ-tát mà họ là quyến thuộc của ma. Đây thiện nam! Tánh của tất

cả các pháp vốn tự không và cũng nhân Bồ-tát tu tập không nên thấy các pháp không. Nay thiện nam! Như tánh của tất cả pháp vô thường nên diệt có thể diệt nó. Nếu nó chẳng phải vô thường thì diệt chẳng thể diệt. Pháp hữu vi có tướng sinh nên sinh có thể sinh ra nó, có tướng diệt nên diệt có thể diệt nó. Tất cả các pháp có tướng khổ nên khổ có thể khiến cho nó khổ. Nay thiện nam! Như tánh của muối là mặn có thể làm mặn vật khác, tánh của đường ngọt có thể làm ngọt vật khác, tánh của dấm chua có thể làm chua vật khác, tánh gừng là cay có thể làm cay vật khác, quả ha-lê-lặc đắng có thể làm đắng vật khác, quả am-la nhạt có thể làm nhạt vật khác, tánh độc có thể hại nên khiến cho vật khác bị hại, tánh của cam lồ khiến cho người chẳng chết, nếu đem hòa hợp với vật khác cũng có thể chẳng chết. Bồ-tát tu không cũng như vậy, do tu không nên thấy tánh của tất cả pháp đều rỗng lặng.

Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương lại nói:

–Bạch Thế Tôn! Nếu muối có thể khiến cho vật chẳng mặn trở thành mặn, tu Tam-muội Không nếu như vậy thì phải biết định này chẳng phải thiện, chẳng phải diệu, tánh định ấy điên đảo. Nếu Tam-muội Không chỉ thấy rỗng không thì không là không có pháp vậy thấy cái gì?

–Nay thiện nam! Tam-muội Không này thấy pháp chẳng không có thể khiến cho nó rỗng lặng nhưng chẳng phải điên đảo. Như muối làm cho vật chẳng phải mặn trở thành mặn, Tam-muội Không này cũng như vậy, pháp chẳng không làm trở thành không. Nay thiện nam! Tham là hữu tánh, chẳng phải là không tánh. Tham nếu là không thì chúng sinh chẳng nên vì nhân duyên này mà rơi vào địa ngục. Nếu rơi vào địa ngục thì sao gọi tánh tham là không được? Nay thiện nam! Tánh của sắc là có thì những tánh nào gọi là điên đảo? Do điên đảo nên chúng sinh sinh ra tham. Nếu tánh của sắc này chẳng phải điên đảo thì sao có thể khiến cho chúng sinh sinh ra tham? Do sinh ra tham nên phải biết tánh của sắc chẳng phải chẳng có. Do nghĩa này nên tu Tam-muội Không chẳng phải là điên đảo. Nay thiện nam! Tất cả phàm phu nếu thấy nữ nhân liền sinh ra tướng nữ. Bồ-tát chẳng vậy, tuy thấy nữ nhân nhưng chẳng sinh tướng nữ.

Do chẳng sinh ra tướng nữ nên tham chẳng sinh ra, mà tham chẳng sinh nên chẳng phải điên đảo. Do người thế gian thấy có nữ nên Bồ-tát theo đó nói có nữ nhân. Còn nếu khi thấy nam mà nói là nữ thì đó là điên đảo. Vậy nên Ta vì ông Xà-đề nói: “Này Bà-la-môn! Nếu lấy ngày làm đêm thì là điên đảo, lấy đêm làm ngày thì cũng là điên đảo. Ngày là tướng ngày, đêm là tướng đêm thì sao gọi điên đảo?”. Này thiện nam! Tất cả Bồ-tát trụ ở địa thứ chín thấy pháp có tánh, do sự thấy này nên chẳng thấy Phật tánh. Nếu thấy Phật tánh thì chẳng thấy tánh của tất cả pháp. Do tu Tam-muội Không như vậy nên chẳng thấy tánh của pháp, mà do chẳng thấy nên thấy Phật tánh. Chư Phật, Bồ-tát có hai thứ pháp tánh, một là hữu tánh, hai là vô tánh. Vì chúng sinh nên nói có pháp tánh, vì các Hiền thánh nên nói không có pháp tánh. Vì người chẳng không thấy pháp không nên tu Tam-muội Không khiến cho được thấy không. Vì người không thấy pháp tánh thì cũng tu không nên không. Do nghĩa này nên tu không thì thấy không. Này thiện nam! Ông hỏi rằng, thấy không mà không là không có pháp thì thấy cái gì? Này thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Đại Bồ-tát quả thật không thấy gì. Không thấy gì tức là không có gì, mà không có gì tức là tất cả pháp. Đại Bồ-tát tu Đại Bát Niết Bàn thì đối với tất cả pháp đều không thấy gì. Nếu có thấy thì chẳng thấy Phật tánh, chẳng thể tu tập Bát nhã Ba-la-mật, chẳng được vào Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên Bồ-tát thấy tánh của tất cả pháp không có gì. Này thiện nam! Bồ-tát chẳng những chỉ nhân thấy Tam-muội mà thấy không, mà Bát nhã Ba-la-mật cũng không, Thiền Ba-la-mật cũng không, Tinh tấn Ba-la-mật cũng không, Nhẫn Ba-la-mật cũng không, Giới Ba-la-mật cũng không, Thí Ba-la-mật cũng không, sắc cũng không, nhãn cũng không, thức cũng không, Như Lai cũng không, Đại Bát Niết Bàn cũng không. Vậy nên Bồ-tát thấy tất cả pháp đều là không. Nên khi Ta ở thành Ca-tỳ-la có bảo A-nan: “Ông chớ sầu não kêu gào khóc lóc!”. A-nan liền đáp: “Thưa Thế Tôn! Thân thuộc của con hôm nay đều bị diệt hết thì con làm sao chẳng buồn khóc được? Như Lai cùng con đều sinh ra ở thành này, cùng đồng họ Thích, thân thích, quyến thuộc mà sao Như Lai một mình chẳng sầu não, nét mặt sáng ngời?”. Này thiện nam! Ta bảo: “Này

A-nan! Ông thấy thành Ca-tỳ-la chân thật là có, còn Ta thấy rỗng không, không có gì. Ông thấy dòng họ Thích là thân thích, còn Ta tu không nên đều không thấy gì. Do nhân duyên này nên ông sinh ra sầu khổ, còn thân Ta thì dung nhan lại sáng ngời”. Chư Phật, Bồ-tát tu tập Tam-muội Không như vậy nên chẳng sinh sầu não. Đó gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vì diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ chín.

Này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vì diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ mười sau cùng? Này thiện nam! Bồ-tát tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, vào Đại Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh, vì các chúng sinh phân biệt giảng nói kinh Đại Niết-bàn, hiển bày Phật tánh. Nếu Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát tin lời nói này thì đều được vào Đại Bát Niết Bàn. Nếu họ chẳng tin thì luân hồi sinh tử.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những chúng sinh nào đối với kinh này chẳng sinh lòng cung kính?

–Này thiện nam! Sau khi Ta Niết-bàn, có đệ tử Thanh văn ngu si, phá giới, ưa sinh ra tranh cãi, bỏ Mười hai bộ loại kinh điển mà đi đọc tụng đủ thứ điển tịch của ngoại đạo, làm văn khen ngợi, tự tay ghi chép. Họ nhận nuôi chứa tất cả vật bất tịnh mà nói là Phật cho phép. Người như vậy đem chiêm-đàn tốt đổi lấy gỗ thường, đem vàng đổi lấy đá quặng, bạc đổi lấy bạch lạp, lụa đổi vải thô, đem vị cam lồ đổi lấy chất độc. Sao gọi là đem chiêm-đàn đổi lấy gỗ thường? Như đệ tử của Ta vì sự cúng dường nên hướng về những người bạch y, diễn nói kinh pháp bạch y thì tánh tình buông thả, chẳng ưa nghe pháp, bạch y ở trên cao, Tỳ-kheo ở dưới thấp, thêm dùng đủ thứ thức ăn ngon mà cung cấp cho họ, họ còn chẳng chịu nghe. Đó gọi là đem chiêm-đàn đổi lấy gỗ thường. Sao gọi là đem vàng đổi lấy đá quặng? Đá quặng ví cho sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vàng ví cho giới. Các đệ tử của Ta do nhân duyên sắc mà phá giới đã thọ. Đó gọi là đem vàng đổi lấy đá quặng. Sao gọi là đem bạc đổi lấy bạch lạp? Bạc ví

cho mười thiện, bạch lạp ví cho mười ác. Các đệ tử của Ta buông bỏ mười thiện, làm mười pháp ác. Đó gọi là đem bạc đổi lấy bạch lạp. Sao gọi là đem lụa đổi vải thô? Vải thô ví cho không hổ không thẹn, lụa ví cho hổ thẹn. Các đệ tử của Ta buông bỏ hổ thẹn, tập quen không hổ thẹn. Đó gọi là đem lụa đổi vải thô. Sao gọi là đem vị cam lồ đổi lấy độc dược? Độc dược là ví cho đủ thứ lợi dưỡng, cam lồ là ví cho các pháp vô lậu. Các đệ tử của Ta vì lợi dưỡng nên hướng về các bạch y mà tự khen mình được vô lậu. Đó gọi là đem vị cam lồ đổi lấy độc dược. Do những Tỳ-kheo ác như vậy nên đang khi kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này lưu hành trải rộng cõi Diêm-phù-đề, có các đệ tử thọ trì, đọc tụng, sao chép diễn nói, lưu hành thì bị những Tỳ-kheo ác như vậy giết hại họ. Những Tỳ-kheo ác đó cùng nhau tụ hội, chung nhau lập định chế nghiêm ngặt: “Nếu có người thọ trì kinh Đại Niết-bàn, sao chép, đọc tụng, phân biệt, giảng nói thì tất cả chẳng được ở chung, ngồi chung đàm luận nói năng. Vì sao? Vì Kinh Đại Niết-bàn chẳng phải là của Phật, là sự tạo ra của tà kiến, mà người tà kiến tức là Lục sư ngoại đạo. Lời nói của Lục sư thì chẳng phải là kinh điển của Phật. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều nói các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Nếu nói, các pháp là thường, lạc, ngã, tịnh thì đâu phải là kinh của Phật nói. Chư Phật, Bồ-tát cho phép các Tỳ-kheo nuôi chứa đủ thứ vật, còn lời nói của Lục sư thì chẳng cho phép đệ tử nuôi chứa tất cả vật. Nghĩa như vậy thì đâu phải là lời nói của Phật. Chư Phật, Bồ-tát chẳng cấm chế đệ tử đoạn dứt năm vị của sữa bò và cả việc ăn thịt, còn Lục sư chẳng cho phép ăn năm thứ muối, năm thứ vị của sữa bò và cả mỡ, máu. Nếu đoạn dứt điều đó thì đâu phải là chánh điển của Phật. Chư Phật, Bồ-tát điển nói ba thừa mà trong kinh này thuần nói Nhất thừa, gọi là Đại Niết-bàn. Lời nói như thế thì đâu phải là chánh điển của Phật. Chư Phật rớt ráo vào Niết-bàn, còn kinh này nói, Phật thường, lạc, ngã, tịnh chẳng vào Niết-bàn. Kinh này chẳng ở trong số Mười hai bộ loại kinh điển tức là lời nói của ma, chẳng phải là lời nói của Phật”. Nay thiện nam! Người như vậy tuy là đệ tử của Ta nhưng chẳng thể tin thuận kinh Niết-bàn này. Nay thiện nam! Lúc ấy, nếu có chúng sinh tin kinh điển này, thậm chí chỉ nửa câu kệ thì phải biết

người này là đệ tử chân thật của Ta. Nhân họ tin như vậy nên liền thấy Phật tánh vào Niết-bàn.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hay thay! Hay thay! Ngày hôm nay Như Lai khéo khai thị kinh Đại Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Con nhân việc này liền được hiểu rõ từng nửa câu, từng câu của kinh Đại Niết-bàn. Do hiểu được một câu đến nửa câu nên thấy chút Phật tánh. Như lời Đức Phật nói thì con cũng sẽ được vào Đại Niết-bàn. Đó gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ mười.

